

Nâng cao hiệu quả tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

PHƯƠNG NGỌC HÀ

Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Hoạt động tín dụng đầu tư phát triển (ĐTPT) của Nhà nước qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) tuy không vì mục tiêu lợi nhuận, nhưng cần phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí, tức là phải hoạt động có hiệu quả. Điều đó cũng có nghĩa là khi đến hạn hoàn trả, ngoài sự bảo toàn đầy đủ nguyên gốc, chúng còn phải đem lại lợi ích kinh tế - xã hội cho cả Nhà nước, Ngân hàng và người đi vay. Thực tế đó đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước qua VDB, phục vụ đặc lực hơn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra sâu, rộng như hiện nay.

Hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước thông qua VDB

Để thực hiện chính sách tín dụng ĐTPT của Nhà nước phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (The Vietnam Development Bank - VDB) đã được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/05/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại hệ thống Quỹ Hỗ trợ phát triển (HTPT) và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2006. VDB là một đơn vị cho vay chính sách phi lợi nhuận, với số vốn điều lệ 10 nghìn tỷ đồng.

Doanh nghiệp vay vốn của VDB với lãi suất cho vay ưu đãi hơn so với vay của các NHTM khác. VDB cho vay theo lãi suất thị trường, theo thông lệ quốc tế là lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng thêm một khoản phí nhất định (khoảng 1%/năm). Điều này cho thấy sự ưu đãi không chỉ được vay với lãi suất thấp mà thời hạn cho vay dài sẽ giúp cho đối tượng vay vốn chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, khách hàng vay vốn có điều kiện tích lũy để tái sản xuất và mở rộng đầu tư. Có thể nói, điều kiện cho vay của VDB đơn giản hơn so với vay từ các NHTM khác như không phải thế chấp, hoặc nếu có thì tỷ lệ thế chấp ở mức tương đối thấp, bằng 30% giá trị khoản vay. VDB đang có dự định nghiên

cứu để trình Chính phủ giảm mức thế chấp xuống còn 15% giá trị khoản vay.

Hiện nay, VDB đang quản lý cho vay, thu hồi nợ vay trên 5.000 dự án vay vốn trong nước với tổng số theo hợp đồng tín dụng đã ký gần 100.000 tỷ đồng, dư nợ trên 51.000 tỷ đồng (các dự án nhóm A chiếm 41%) và 336 dự án vay vốn ODA với tổng số vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký hơn 6,6 tỷ USD, dư nợ gần 50.000 tỷ đồng.

Vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước đã được tập trung cho những chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực trọng điểm của đất nước như: nhà máy thủy điện, nhiệt điện, lọc dầu, các nhà máy đóng tàu



biển, xi măng, thép, hoá chất, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội... Hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Trên 3.400 dự án (trong đó có 38 dự án nhóm A) đã hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, góp phần đem lại những kết quả thiết thực đối với nền kinh tế, thể hiện trên những mặt chủ yếu là: Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của các vùng/miền, thúc đẩy phát triển một số lĩnh vực, chương trình, dự án, sản phẩm trọng điểm của nền kinh tế; Góp phần thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo; Phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn; Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư của xã hội; Khai thác các nguồn vốn cho đầu tư, thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính.

Mặc dù vậy, hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Những hạn chế đó xuất hiện từ những tổ chức tiền thân của VDB, chưa được giải quyết triệt để, vẫn đang tồn tại và tạo nên rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước. Do VDB kế thừa toàn bộ các dự án có nợ tồn đọng, khó thu từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (năm 1995), Tổng cục Đầu tư phát triển và Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia (năm 1999), Quỹ Hỗ trợ phát triển (tháng 06/2006) nên trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ gặp rất nhiều vướng mắc.

Một số giải pháp

Để khắc phục những vấn đề hạn chế tồn tại trong hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước và đảm bảo định hướng phát triển để tiếp tục phát huy tốt vai trò là công cụ của Chính phủ trong việc thúc đẩy ĐTPT theo hướng công nghiệp hoá -

hiện đại hoá, phù hợp với giai đoạn hội nhập và tiến trình cải cách hệ thống ngân hàng của Việt Nam, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách tín dụng ĐTPT của Nhà nước.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy chế nghiệp vụ về tín dụng, đầu tư, bảo đảm tiền vay, ngoại hối, huy động vốn, kế toán và thanh toán...; nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của từng bộ phận nghiệp vụ, từng cá nhân và người đứng đầu các đơn vị, tổ chức. Hoàn thiện mô hình hoạt động của VDB, ban hành Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của VDB theo hướng tăng cường chức năng, nhiệm vụ và tính tự chủ của tổ chức này.

Đề xuất xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn có liên quan để tăng cường tính pháp lý, tạo sự đồng bộ, nhất quán và hoàn chỉnh của hệ thống chính sách và pháp luật về tín dụng ĐTPT của Nhà nước.

Tín dụng ĐTPT của Nhà nước được hoạch định bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; hỗ trợ có hiệu quả phục vụ mục tiêu tăng trưởng, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đa dạng hoá các hình thức hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư, chuyển dần từ ưu đãi về lãi suất sang ưu đãi về mức hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ...

Thứ hai, tăng cường công tác Marketing về ngân hàng.

Triển khai đa dạng các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu chính sách tín dụng ĐTPT của Nhà nước qua website, hội thảo, diễn đàn về đầu tư - tài chính (trong nước và khu vực). Tổ chức hội nghị khách hàng hàng năm để tuyên truyền về chính sách tín dụng ĐTPT và lấy ý kiến đóng góp của khách hàng về quá trình thực thi chính sách tín dụng ĐTPT.

Xúc tiến sự hiện diện của VDB tại các thị trường khu vực và quốc tế nhằm tăng cường khả năng hợp tác, huy động các nguồn lực và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, đơn giản hóa và công khai quy trình cho vay.

Rà soát loại bỏ một số thủ tục không cần thiết, hoàn thiện quy trình theo hướng đơn giản dễ hiểu và dễ thực hiện; quy định cụ thể trình tự và thời gian thực hiện các bước của quy trình vay vốn. Khi quy trình thay đổi, cần có sự tập huấn cho Chi nhánh về việc vận dụng quy trình mới ban hành; công khai quy trình cho vay và phải phổ biến cho các khách hàng biết khi quy trình thay đổi; đồng thời Ngân hàng cần tổ chức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho khách hàng trong việc vay vốn,

Ngoài việc cải tiến quy trình, thủ tục cho vay của nội bộ mình, VDB cần phối hợp với các ngành nhằm cải cách các thủ tục liên quan để giảm thiểu các thủ tục cho khách hàng. Có như vậy mới kích thích các nhà đầu tư tham gia đầu tư vào những dự án mà Nhà nước cần khuyến khích đầu tư.

Thứ tư, nâng cao chất lượng thẩm định dự án.

Hiện đại hoá quy trình thẩm định dự án, ứng dụng phần mềm phục vụ cho công tác thẩm định, phân tích tài chính, truy cập thông tin, triển khai hệ thống này đến các cấp quản lý tín dụng cần thiết. Bố trí những cán bộ có trình độ, kinh nghiệm và có đạo đức trong việc thẩm định dự án. Thẩm định dự án có nhiều lĩnh vực khác nhau, cán bộ thẩm định cần tham khảo và tìm hiểu thông tin dự án có cùng lĩnh vực đầu tư để đưa ra các nhận định chính xác. Thẩm định dự án không chỉ thẩm định cho vay mà cần tái thẩm định sau cho vay để đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư, từ đó rút ra kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án sau được tốt hơn. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại cán

bộ thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và xử lý nợ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các dự án; hợp tác chặt chẽ với các chủ đầu tư để xử lý nợ quá hạn. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền vay là một việc làm cần thiết để phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro tín dụng. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên sẽ giúp VDB phát hiện kịp thời những biểu hiện sai phạm của doanh nghiệp như sử dụng vốn sai mục đích, tẩu tán tài sản, âm mưu lừa đảo, đồng thời giúp VDB luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế của dự án, nắm được những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án của doanh nghiệp để có biện pháp đối phó kịp thời.

Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện thấy doanh nghiệp gặp khó khăn không thể thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng, VDB có thể áp dụng một hoặc kết hợp một trong nhiều biện pháp như: tư vấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp trên nhiều khía cạnh nhằm tác động đến khả năng tạo ra và thu được lợi nhuận; đề nghị doanh nghiệp quản lý chặt chẽ ngân quỹ chi tiêu, tổ chức lại hệ thống sản xuất kinh doanh, thay đổi máy móc thiết bị và công nghệ. Nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp khai thác là không thuận lợi và không có hy vọng thu hồi được nợ thì VDB sẽ áp dụng biện pháp thanh lý để xử lý các khoản nợ khó đòi. Nếu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (tai nạn, thiên tai, trộm cắp) khiến doanh nghiệp không trả được nợ thì VDB có thể xem xét gia hạn hoặc điều chỉnh hợp đồng cho vay tương ứng với kỳ hạn có thể thu tiền của doanh nghiệp và theo đúng quy trình của VDB.

VDB cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, Tổng công ty và Chính quyền địa phương để được hỗ

trợ các biện pháp thu hồi nợ. Thực hiện thường xuyên việc phân loại nợ hàng quý, với từng tiêu chí cụ thể để tìm biện pháp cụ thể cho từng dự án có nợ quá hạn.

Thứ sáu, xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro.

Để sử dụng nguồn vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước có hiệu quả và đảm bảo tính an toàn, lành mạnh trong hoạt động cấp tín dụng, cần xây dựng một mô hình quản lý rủi ro tín dụng phù hợp với VDB. Trên cơ sở những nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu và đặc thù của hoạt động tín dụng ĐTPT tại VDB, những định hướng có thể áp dụng trong xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng như sau: Thực hiện phân tách chức năng bán hàng, chức năng thẩm định, quản lý rủi ro tín dụng và chức năng quản lý nợ trong hoạt động cấp tín dụng cho các doanh nghiệp; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của bộ phận quan hệ khách hàng, quản lý rủi ro tín dụng và quản lý nợ; Tiêu chuẩn hóa cán bộ theo dõi rủi ro tín dụng để đáp ứng các yêu cầu của nguyên tắc Basel, theo đó, cần xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý rủi ro tín dụng có kinh nghiệm, kiến thức và khả năng nhanh nhạy khi xem xét, đánh giá các đề xuất tín dụng; Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, đảm bảo sự liên lạc thường xuyên, liên tục và cập nhật kịp thời các thông tin trọng yếu giữa các bộ phận chức năng trong hoạt động cấp tín dụng; Nâng cao tính thực tiễn và khả năng đánh giá chính xác của hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, thực hiện xếp hạng tín dụng theo định kỳ và duy trì một cách liên tục để làm cơ sở trong xây dựng chính sách khách hàng về giới hạn tín dụng, áp dụng hình thức bảo đảm tiền vay thích hợp, các định hướng tín dụng với từng khách hàng.

Thứ bảy, đẩy mạnh việc ứng dụng thông tin công nghệ.

Tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin với các giải pháp kỹ thuật và phương thức hiện đại phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng như các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Phát triển, ứng dụng các mô thức quản lý nghiệp vụ ngân hàng cơ bản theo hướng hiện đại, tự động hoá và được tích hợp trong hệ thống quản trị ngân hàng hoàn chỉnh và tập trung (triển khai core-banking). Tăng cường hệ thống an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu và an ninh mạng; sớm triển khai mạng thông tin nội bộ trong toàn hệ thống VDB.

Thứ tám, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý nguồn nhân lực và thực hiện khuyến khích lao động có hiệu quả. Tuyển dụng, bố trí, luân chuyển, đánh giá, đề bạt và đãi ngộ cán bộ dựa trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ và tính chất, yêu cầu của công việc. Hoàn thiện các quy chế về quyền và nghĩa vụ của cán bộ. Thực hiện nguyên tắc dân chủ và minh bạch trong công tác cán bộ.

Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý và chuyên môn cán bộ các cấp. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ cập nhật kiến thức, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, khuyến khích sáng tạo, động viên sự tự thân học tập của cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn và dài hạn bên ngoài như học ngoại ngữ, văn bằng 2, sau đại học...

Xây dựng kế hoạch hợp tác đào tạo, trao đổi, nghiên cứu với các ngân hàng, tổ chức tài chính có uy tín trong nước và trên thế giới để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ được tiếp cận với những công nghệ hàng mới, học hỏi những kinh nghiệm quản trị, điều hành của các tổ chức này. □